



**Công ty TNHH Một thành viên –
Tổng Công ty Phát điện 3**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công thương cấp.

Giấy Chứng nhận 3502208399 ngày 30 tháng 10 năm 2013
Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 ngày 27 tháng 2 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 27 tháng 2 năm 2017.

Chủ tịch Ông Nguyễn Văn Lê

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

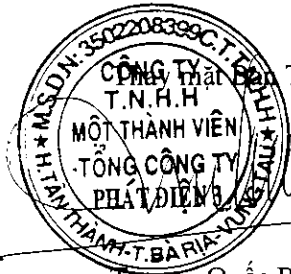
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Trưởng Ban Tổng Giám đốc

Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31, ngày 31 tháng 3 năm 2017.



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới:

- Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) trong báo cáo tài chính riêng trong đó đề cập việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 1113/BTC-TCĐN của Bộ Tài Chính ngày 23 tháng 1 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 1113”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Nghị định 82, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 1113 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính riêng.
- Thuyết minh 31 của báo cáo tài chính riêng trong đó đề cập việc vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đó và phát hành báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 3 năm 2017. Sau khi phát hành báo cáo tài chính riêng ngày 15 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn điện lực Việt Nam (“EVN”) yêu cầu Tổng Công ty điều chỉnh lại số liệu quỹ lương theo số được EVN phê duyệt. Tổng Công ty đã điều chỉnh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo yêu cầu của EVN và phát hành lại báo cáo tài chính riêng đính kèm với báo cáo này. Ngoại trừ các thủ tục kiểm toán các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 31, tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, chúng tôi đã không thực hiện bất kỳ thủ tục kiểm toán nào khác kể từ ngày lập báo cáo kiểm toán trước đây là ngày 15 tháng 3 năm 2017.



Vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 50. Thông tin bổ sung tại trang 51 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính riêng và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính riêng, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Bảo cáo kiểm toán số: 16-02-070/2016



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31, ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16.983.010.678.031	11.801.725.886.253
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.657.505.332.849	729.919.588.667
Tiền	111		1.254.505.332.849	526.919.588.667
Các khoản tương đương tiền	112		403.000.000.000	203.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		430.000.000.000	230.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	430.000.000.000	230.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		11.998.438.018.433	8.470.350.142.225
Phải thu của khách hàng	131	6	6.752.389.060.778	3.944.933.274.193
Trả trước cho người bán	132		300.979.314.297	204.142.885.854
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.945.069.643.358	4.321.273.982.178
Hàng tồn kho	140	8	2.737.429.717.484	2.217.279.483.884
Hàng tồn kho	141		2.737.609.129.256	2.219.485.968.930
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(179.411.772)	(2.206.485.046)
Tài sản ngắn hạn khác	150		159.637.609.265	154.176.671.477
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.179.926.933	10.358.341.700
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.865.970.543	85.550.771.327
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13(b)	122.591.711.789	58.267.558.450

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		66.413.575.386.955	70.484.476.537.629
Phải thu dài hạn	210		22.000.000	12.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		22.000.000	12.000.000
Tài sản cố định	220		61.383.534.084.708	66.219.241.053.470
Tài sản cố định hữu hình	221	9	61.316.072.058.860	66.149.504.189.725
<i>Nguyên giá</i>	222		105.250.374.941.214	104.261.861.333.547
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43.934.302.882.354)	(38.112.357.143.822)
Tài sản cố định vô hình	227	10	67.462.025.848	69.736.863.745
<i>Nguyên giá</i>	228		79.376.773.058	79.216.773.058
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.914.747.210)	(9.479.909.313)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.395.464.934.822	2.623.543.802.603
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.395.464.934.822	2.623.543.802.603
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.620.122.136.831	1.616.348.286.477
Đầu tư vào công ty con	251		670.500.124.393	666.726.274.039
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		791.558.350.850	791.558.350.850
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		158.063.661.588	158.063.661.588
Tài sản dài hạn khác	260		14.432.230.594	25.331.395.079
Chi phí trả trước dài hạn	261		13.604.050.594	24.503.215.079
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		828.180.000	828.180.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		83.396.586.064.986	82.286.202.423.882

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		75.979.397.638.406	74.859.402.699.080
Nợ ngắn hạn	310		10.216.345.612.432	9.990.667.975.125
Phải trả người bán	311	12	5.513.544.825.740	5.566.168.847.491
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(a)	114.247.560.989	117.374.144.750
Phải trả người lao động	314		137.278.643.326	127.090.735.196
Chi phí phải trả	315		47.635.114.267	57.893.608.251
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.158.214.637	15.835.445.820
Phải trả khác	319	14	896.001.245.028	689.251.880.779
Vay ngắn hạn	320	15(a)	3.288.800.893.324	3.291.345.014.166
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		203.679.115.121	125.708.298.672
Nợ dài hạn	330		65.763.052.025.974	64.868.734.723.955
Doanh thu chưa thực hiện	336		409.271.795.189	424.430.009.826
Vay dài hạn	338	15(b)	65.353.780.230.785	64.444.304.714.129
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.417.188.426.580	7.426.799.724.802
Vốn chủ sở hữu	410	16	7.417.188.426.580	7.426.799.724.802
Vốn góp	411	17	10.561.944.694.725	10.561.460.840.439
Vốn khác	414		1.566.487.558	1.566.487.558
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	18	(3.374.214.327.146)	(3.316.477.195.659)
Quỹ đầu tư phát triển	418		113.790.055.796	65.664.222.531
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế				
đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		114.101.515.647	114.585.369.933
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		83.396.586.064.986	82.286.202.423.882
(440 = 300 + 400)				


Ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31,
 ngày 31 tháng 3 năm 2017.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

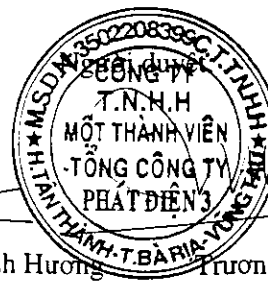
Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương Trương Quốc Phúc
 Kế toán trưởng Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	149.130.241.082	104.767.855.790
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	5.824.583.061.579	4.225.805.876.869
Các khoản dự phòng	03	(2.027.073.274)	(5.480.871.872)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	652.702.433.911	401.565.731.075
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(231.371.824.058)	(230.914.725.845)
Chi phí lãi vay	06	2.513.380.880.767	1.709.696.234.008
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	8.906.397.720.007	6.205.440.100.025
Biến động các khoản phải thu	09	(3.513.292.503.109)	(6.158.398.276.012)
Biến động hàng tồn kho	10	(518.123.160.326)	(716.276.509.427)
Biến động các khoản phải trả	11	1.256.167.273.222	1.865.948.136.720
Biến động chi phí trả trước	12	13.077.579.252	19.463.962.231
		6.144.226.909.046	1.216.177.413.537
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.258.472.430.602)	(1.577.512.751.061)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.313.883.532)	(79.564.639.589)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.517.143.676)	(28.017.569.249)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	3.858.923.451.236	(468.917.546.362)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.978.326.658.470)	(4.115.143.825.197)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	231.546.000	1.272.092.678
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23	(200.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	24	-	200.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	208.695.552.404	302.548.562.797
Chuyển đơn vị phụ thuộc về Tập đoàn Điện lực Việt Nam (tiền thuần)		-	(169.114.006)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(2.969.399.560.066)	(3.611.492.283.728)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương; Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa Các Nhà máy điện EVNGENCO 3;
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 3 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2016: 3 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 2.306 nhân viên (1/1/2016: 1.922 nhân viên).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CKTK ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 3634/EVN-TCKT ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2016 (“Công văn 3634”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) *Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia*

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 1.508.828.910.951 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: tăng và giảm tương ứng là 1.937.606.705.808 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm 1.508.828.910.951 VND (1/1/2016: 1.937.606.705.808 VND).

(iii) *Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ*

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 1113/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 23 tháng 1 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 1113”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 1113 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm và tăng tương ứng là 1.865.385.416.195 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: tăng và giảm tương ứng là 1.378.870.489.851 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm 1.865.385.416.195 VND (1/1/2016: 1.378.870.489.851 VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iii) Bàn quyền chuyển giao công nghệ

Bàn quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bàng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.866.449.409	932.367.577
Tiền gửi ngân hàng	1.252.638.883.440	525.987.221.090
Các khoản tương đương tiền	403.000.000.000	203.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.657.505.332.849	729.919.588.667

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng 4,3%-4,8%/năm (năm 2015: 4,6%/năm).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan, với lãi suất được hưởng 5,5%-5,7%/năm (2015: 5,1%/năm).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn	Địa chỉ	31/12/2016		1/1/2016			
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty con							
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (i)	79,56%	79,56%	79,56%	79,56%	481.235.570.000	481.235.570.000
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình (ii)	54,76%	54,76%	54,76%	54,76%	70.454.400.000	70.454.400.000
▪ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh (iii)	100%	100%	100%	100%	118.810.154.393	115.036.304.039
						670.500.124.393	666.726.274.039
Đầu tư vào công ty liên kết							
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Tỉnh Yên Bái (iv)	30%	30%	30%	30%	190.500.000.000	190.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Tỉnh Bình Định (v)	30,55%	30,55%	30,55%	30,55%	517.058.350.850	517.058.350.850
▪ Công ty Cổ phần Dầu tự và Phát triển Điện Sê San 3A Tỉnh Gia Lai	Tp. Tỉnh Gia Lai (vi)	30%	30%	30%	30%	84.000.000.000	84.000.000.000
						791.558.350.850	791.558.350.850
Đầu tư vào đơn vị khác							
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Tỉnh Đồng Nai	2,50%	-	2,50%	-	64.000.000.000	64.000.000.000
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	15%	15%	15%	15%	74.463.661.588	74.463.661.588
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tp. Hà Nội	0,6%	-	0,65%	-	19.600.000.000	19.600.000.000
						158.063.661.588	158.063.661.588

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công thương. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 240/2005/QĐ-TT ngày 4 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức thành Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Nhiệt điện Thủ Đức. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iv) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (v) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (vi) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	6.735.599.186.936	3.940.318.721.658
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	11.542.250.000	-
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	5.247.623.842	4.614.552.535
	<hr/>	<hr/>
	6.752.389.060.778	3.944.933.274.193

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	4.381.623.005.587	4.223.779.810.981
Công ty TNHH Huyndai Việt Nam	401.479.171.901	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	833.367.237	833.367.237
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	4.191.666.667	5.302.777.777
Cổ tức được chia	19.050.000.000	-
Phải thu khác	137.892.431.966	91.358.026.183
	<hr/> 4.945.069.643.358	<hr/> 4.321.273.982.178

- (i) Trong số dư này có 3.890.576.415.008 VND do Tổng Công ty đã đầu tư cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Dự án này đã được chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong năm 2015.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	102.911.681.740	-	121.911.375.456	-
Nguyên vật liệu	2.600.815.445.625	(179.411.772)	2.069.853.946.005	(2.206.485.046)
Công cụ và dụng cụ	20.309.143.957	-	11.904.430.327	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.572.857.934	-	15.816.217.142	-
	<hr/> 2.737.609.129.256	<hr/> (179.411.772)	<hr/> 2.219.485.968.930	<hr/> (2.206.485.046)

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.206.485.046	7.687.356.918
Hoàn nhập trong năm	(2.027.073.274)	(5.480.871.872)
	<hr/> 179.411.772	<hr/> 2.206.485.046

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	17.834.967.383.527	79.734.226.124.414	6.632.067.694.131	54.458.108.600	6.142.022.875	104.261.861.333.547
Tăng trong năm	2.081.868.678	14.169.873.793	11.795.351.317	20.213.780.995	138.958.000	48.399.832.783
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 12)	881.282.868.880	13.078.869.009	43.419.306.288	2.592.526.613	-	940.373.570.790
Thanh lý	-	-	(202.485.150)	-	-	(202.485.150)
Giảm do quyết toán	-	(50.771.364)	-	(6.539.392)	-	(57.310.756)
Số dư cuối năm	18.718.332.121.085	79.761.424.095.852	6.687.079.866.586	77.257.876.816	6.280.980.875	105.250.374.941.214
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.492.132.797.866	31.703.584.396.318	1.889.184.570.140	26.323.054.500	1.132.324.998	38.112.357.143.822
Khấu hao trong năm	691.896.212.248	4.771.265.254.364	347.235.438.925	11.135.980.527	615.337.618	5.822.148.223.682
Thanh lý	-	-	(202.485.150)	-	-	(202.485.150)
Số dư cuối năm	5.184.029.010.114	36.474.849.650.682	2.236.217.523.915	37.459.035.027	1.747.662.616	43.934.302.882.354
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	13.342.834.585.661	48.030.641.728.096	4.742.883.123.991	28.135.054.100	5.009.697.877	66.149.504.189.725
Số dư cuối năm	13.534.303.110.971	43.286.574.445.170	4.450.862.342.671	39.798.841.789	4.533.318.259	61.316.072.058.860

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 7.333.569.431.957 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 1.364.690.088.014 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyên giao công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	64.452.359.739	10.993.522.171	3.770.891.148	79.216.773.058
Tăng trong năm	-	160.000.000	-	160.000.000
Số dư cuối năm	64.452.359.739	11.153.522.171	3.770.891.148	79.376.773.058
Khấu hao trong năm				
Số dư đầu năm	5.123.162.145	1.264.039.483	3.092.707.685	9.479.909.313
Khấu hao trong năm	976.159.776	1.050.451.201	408.226.920	2.434.837.897
Số dư cuối năm	6.099.321.921	2.314.490.684	3.500.934.605	11.914.747.210
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	59.329.197.594	9.729.482.688	678.183.463	69.736.863.745
Số dư cuối năm	58.353.037.818	8.839.031.487	269.956.543	67.462.025.848

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 606.628.866 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 606.628.866 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.623.543.802.603	56.899.257.645.196
Tăng trong năm do mua mới	1.672.139.729.849	3.746.593.132.039
Chi phí lãi vay vốn hóa	4.658.591.687	678.364.588.158
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 9)	(940.373.570.790)	(57.200.965.572.868)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(9.090.483.494)
Điều chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(1.120.338.504.035)
Các biến động khác	35.496.381.473	(370.277.002.393)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.395.464.934.822	2.623.543.802.603

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.124.652.173.310	1.023.884.297.980
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	1.367.507.249.414	925.047.930.443
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	494.162.589.458	412.469.077.282
Cảng than Vĩnh Tân	338.960.447.028	259.888.105.390
Các công trình khác	70.182.475.612	2.254.391.508
	<hr/>	<hr/>
	3.395.464.934.822	2.623.543.802.603

Các tài sản hình thành trong tương lai từ các công trình xây dựng cơ bản dở dang được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay (thuyết minh 15(b)).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Phải trả người bán

	31/12/2016	1/1/2016
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	299.168.645	157.314.832.070
Các bên liên quan khác	11.573.895.245	5.202.498.059
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.488.734.916.271	1.639.257.139.726
Công ty Shanghai Electric Group	1.846.413.913.829	1.519.970.146.668
Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	443.525.158.335	408.151.157.357
Tập đoàn Xây dựng Hyundai E&C	-	1.314.517.829.383
Các nhà cung cấp khác	722.997.773.415	521.755.244.228
	<hr/>	<hr/>
	5.513.544.825.740	5.566.168.847.491
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	5.513.544.825.740	5.566.168.847.491
	<hr/>	<hr/>

Số dư phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không quá hạn.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	80.239.611.753	938.141.262.646	(1.030.530.028.819)	64.331.712.884	52.182.558.464
Thuế nhà thầu	7.548.230.791	24.717.900.473	(29.187.802.428)	-	3.078.328.836
Thuế xuất nhập khẩu	-	63.178.075.452	(63.178.075.452)	-	-
Thuế tài nguyên	19.977.960.176	244.076.673.914	(230.790.025.686)	-	33.264.608.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	464.075.457	1.290.298.046	(1.313.883.532)	(7.608.545)	432.881.426
Thuế thu nhập cá nhân	2.307.926.573	16.677.937.579	(15.714.945.193)	-	3.270.918.959
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	6.836.340.000	43.228.813.860	(28.046.888.960)	-	22.018.264.900
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	10.784.220.723	(10.784.220.723)	-	-
Các loại thuế khác	-	12.742.024.582	(12.742.073.582)	49.000	-
	117.374.144.750	1.354.837.207.275	(1.422.287.944.375)	64.324.153.339	114.247.560.989

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.263.138.504	-	-	64.331.712.884	81.594.851.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.794.792.996	-	-	(7.608.545)	40.787.184.451
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	209.626.950	-	-	-	209.626.950
Các loại thuế khác	-	-	-	49.000	49.000
	58.267.558.450	-	-	64.324.153.339	122.591.711.789

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	621.272.298.291	498.148.789.015
Các bên liên quan khác	27.000.000	19.443.867.919
Bên thứ ba		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	188.152.714.542	151.562.350.386
Chi phí chuyên gia	43.319.952.378	-
Phải trả khác	43.229.279.817	20.096.873.459
	896.001.245.028	689.251.880.779

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2016 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 15(b))	3.291.345.014.166	3.323.725.905.874	(3.326.270.026.716)	3.288.800.893.324
Số có khả năng trả nợ	3.291.345.014.166			3.288.800.893.324

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	68.642.581.124.109	67.735.649.728.295
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.288.800.893.324)	(3.291.345.014.166)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	65.353.780.230.785	64.444.304.714.129

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	135.356.263.918	143.294.202.256
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	599.000.000.000	599.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I	VND	2024	2.172.769.979.856	2.548.769.979.856
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	374.000.000.000	374.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.966.086.027.360	2.190.781.573.344
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2029	2.338.883.568.274	2.338.883.568.274
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2029	1.167.134.660.567	1.167.134.660.567
<i>Dự án Cảng than Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	553.230.020.144	553.230.020.144
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	165.000.000.000	185.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	178.000.000.000	178.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng	VND	2021	133.881.118.612	-
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	338.000.000.000	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	165.000.000.000	185.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	202.000.000.000	202.000.000.000
<i>Dự án lắp kháng điện khu vực phía Nam để giảm dòng ngắn mạch</i>				
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	VND	2017	-	50.000.000.000
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	90.571.810.108	-

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	463.999.704.804	470.921.021.851
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.035.820.381.561	17.231.947.165.625
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	10.681.142.416.666	10.955.373.163.664
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	6.254.621.639.385	6.186.010.169.010
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2026	1.911.218.327.802	2.026.195.834.393
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	9.925.971.370.883	8.957.320.563.579
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	103.400.575.863	108.894.686.576
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	75.387.491.087	78.451.727.103
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2016	-	112.562.875.656
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2018	276.196.364.311	540.518.838.667
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	144.038.310.850	178.072.813.166
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	139.191.924.107	194.793.045.965
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2017	39.132.649.648	117.397.948.942
Vay trái phiếu	VND	2016	-	100.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	306.127.643.119	378.461.884.374
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	553.422.601.761	774.791.627.761
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	5.072.359.835.098	5.278.533.404.202
<i>Dự án Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	582.145.826.724	575.759.847.932
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	2.499.490.611.601	2.416.549.105.388
			68.642.581.124.109	67.735.649.728.295

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Toàn bộ tài sản hình thành từ các dự án trên được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tương ứng.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay USD từ 1,65% đến 5,15% (2015: từ 0,45% đến 6,9%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay VND từ 8,8% đến 9,8% (2015: từ 6,7% đến 10,5%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (2015: từ 1,66% đến 2,5%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay CNY là 3,6% (2015: 3,2%).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND (*)	Quỹ đầu tư phát triển VND (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND (*)	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND (*)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.487.655.874.046	-	(810.942.597.255)	18.940.437.443	2.695.975.257	110.593.427.602	9.808.943.117.093
Nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên (i)	96.728.456.859	1.566.487.558	-	16.178.490.841	-	1.705.055.583	116.178.490.841
Tăng vốn trong năm	1.271.458.000	-	-	-	-	-	1.271.458.000
Bàn giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(25.900.004.049)	-	(25.181.627.228)	-	-	-	(51.081.631.277)
Phân loại lại	1.705.055.583	-	-	(1.142.186.802)	-	2.286.886.748	2.849.755.529
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	(2.659.523.292)	-	(2.659.523.292)
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	(2.480.352.971.176)	-	-	-	(2.480.352.971.176)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	104.289.249.423	-	104.289.249.423
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	31.687.481.049	(31.687.481.049)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(71.792.954.348)	-	(71.792.954.348)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(845.265.991)	-	(845.265.991)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	10.561.460.840.439	1.566.487.558	(3.316.477.195.659)	65.664.222.531	-	114.585.369.933	7.426.799.724.802
Tăng/giảm vốn trong năm	483.854.286	-	-	3.773.850.354	-	(483.854.286)	3.773.850.354
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	(57.737.131.487)	-	-	-	(57.737.131.487)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	147.839.943.036	-	147.839.943.036
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	44.351.982.911	(44.351.982.911)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(103.487.960.125)	-	(103.487.960.125)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	10.561.944.694.725	1.566.487.558	(3.374.214.327.146)	113.790.055.796	-	114.101.515.647	7.417.188.426.580

(i) Tổng Công ty nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 223/QĐ-EVN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(*) Điều chỉnh lại (Thuyết minh 31).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt của Tổng Công ty được góp đầy đủ bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.561.460.840.439	10.487.655.874.046
Tăng vốn trong năm	483.854.286	1.271.458.000
Nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên	-	96.728.456.859
Bàn giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(25.900.004.049)
Phân loại lại	-	1.705.055.583
Số dư cuối năm	10.561.944.694.725	10.561.460.840.439

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	1/1/2016 VND	Phát sinh VND	Biến động trong năm 2016 Phân bổ vào chi phí VND (*)	Bàn giao về EVN VND	31/12/2016 VND (*)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	1.937.606.705.808	(11.568.054.212)	(417.209.740.645)	-	1.508.828.910.951
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	1.378.870.489.851	717.119.574.920	(230.604.648.576)	-	1.865.385.416.195
	3.316.477.195.659	705.551.520.708	(647.814.389.221)	-	3.374.214.327.146
	1/1/2015 VND	Phát sinh VND	Biến động trong năm 2015 Phân bổ vào chi phí VND	Bàn giao về EVN VND	31/12/2015 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	810.942.597.255	1.268.002.727.601	(166.458.145.276)	25.119.526.228	1.937.606.705.808
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	-	1.607.839.066.980	(228.968.577.129)	-	1.378.870.489.851
	810.942.597.255	2.875.841.794.581	(395.426.722.405)	25.119.526.228	3.316.477.195.659

(i) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (thuyết minh 3(b)(ii)).

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (thuyết minh 3(b)(iii)).

(*) Điều chỉnh lại (Thuyết minh 31).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phân phối lợi nhuận

Theo quy định tại điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ được nộp về Ngân sách Nhà nước.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	5.998.153.974	5.965.683.038
Trong vòng hai đến năm năm	23.992.615.895	23.862.732.152
Sau năm năm	182.973.143.828	205.405.497.779
	212.963.913.697	235.233.912.969

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	61.707,00	1.401.238.094	38.292,90	859.689.573

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31/12/2016, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ đầu tư 3.716.126 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (tại ngày 1/1/2016 là 3.908.945 triệu VND).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	33.289.515.394.142	25.446.319.495.781
Doanh thu dịch vụ khác	152.757.927.982	50.547.703.696
	<hr/>	<hr/>
	33.442.273.322.124	25.496.867.199.477

22. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn tiêu thụ điện - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	30.027.259.860.773	23.223.673.229.859
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	103.744.955.332	29.426.350.354
	<hr/>	<hr/>
	30.131.004.816.105	23.253.099.580.213

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	32.593.133.058	25.676.317.797
Cổ tức, lợi nhuận được chia	198.547.145.000	205.092.297.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	23.879.446.493	3.852.191.628
	<hr/>	<hr/>
	255.019.724.551	234.620.806.425

24. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	2.513.380.880.767	1.709.696.234.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	42.820.593.709	72.214.534.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	652.702.433.911	401.565.731.075
	<hr/>	<hr/>
	3.208.903.908.387	2.183.476.499.909

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	142.255.435.683	97.376.369.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.459.118.683	13.994.335.099
Chi phí khác	105.518.671.162	60.328.454.732
	297.233.225.528	171.699.158.895

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.642.419.824.669	17.382.737.850.257
Chi phí nhân công - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	461.926.108.788	308.663.454.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.792.554.660.210	4.190.834.616.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.894.993.804	248.046.604.088
Chi phí sửa chữa lớn	1.672.041.349.109	967.281.217.289
Chi phí khác	515.401.105.053	327.234.996.203
	21.625.635.738.635	17.416.716.139.107

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	746.659.130	478.606.367
Năm trước	543.638.916	-
	1.290.298.046	478.606.367

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	149.130.241.082	104.767.855.790
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	29.826.048.216	23.048.928.274
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.148.110.633	1.363.077.776
Thu nhập không bị tính thuế	(39.709.429.000)	(45.120.305.340)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	9.481.929.281	19.260.823.324
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	1.926.082.333
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	543.638.916	-
	1.290.298.046	478.606.367

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Chủ tịch Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.655.638.883.440	728.987.221.090
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	430.000.000.000	230.000.000.000
Phải thu của khách hàng và phải thu khác	(ii)	11.697.458.704.136	8.266.207.256.371
		<u>13.783.097.587.576</u>	<u>9.225.194.477.461</u>

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Phải thu của khách hàng và phải thu khác

Phải thu của khách hàng và phải thu khác của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu của khách hàng và phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Tổng Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Không có khoản phải thu nào bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được không bao gồm khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2016

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	5.513.544.825.740	5.513.544.825.740	5.513.544.825.740	-	-
Phải trả người lao động - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	137.278.643.326	137.278.643.326	137.278.643.326	-	-
Chi phí phải trả	47.635.114.267	47.635.114.267	47.635.114.267	-	-
Phải trả khác	896.001.245.028	896.001.245.028	896.001.245.028	-	-
Vay ngắn hạn	3.288.800.893.324	3.288.800.893.324	3.288.800.893.324	-	-
Vay dài hạn	65.353.780.230.785	65.353.780.230.785	-	18.271.383.894.841	47.082.396.335.944
	75.237.040.952.470	75.237.040.952.470	9.883.260.721.685	18.271.383.894.841	47.082.396.335.944

1/1/2016

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	5.566.168.847.491	5.566.168.847.491	5.566.168.847.491	-	-
Phải trả người lao động	127.090.735.196	127.090.735.196	127.090.735.196	-	-
Chi phí phải trả	57.893.608.251	57.893.608.251	57.893.608.251	-	-
Phải trả khác	689.251.880.779	689.251.880.779	689.251.880.779	-	-
Vay ngắn hạn	3.291.345.014.166	3.291.345.014.166	3.291.345.014.166	-	-
Vay dài hạn	64.444.304.714.129	64.444.304.714.129	-	20.834.249.518.532	43.610.055.195.597
	74.176.054.800.012	74.176.054.800.012	9.731.750.085.883	20.834.249.518.532	43.610.055.195.597

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán Tổng Công ty, là Việt Nam đồng (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”), Yên Nhật (“JPY”), Nhân dân tệ (“CNY”), Đồng Euro (“EUR”) và Franc Thụy Sĩ (“CHF”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tổng Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2016				
	USD	JPY	CNY	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.707	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(162.851.978)	(91.938.704)	-	(19.048.004)	(2.365.509)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.189.265.375)	(26.761.532.474)	(599.934.811)	-	-
	(2.352.055.646)	(26.853.471.178)	(599.934.811)	(19.048.004)	(2.365.509)
	1/1/2016				
	USD	JPY	CNY	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.293	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(218.242.187)	(309.558.247)	(5.722.766)	(455.727)	(372.510)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.105.722.210)	(29.095.495.677)	(599.934.811)	-	-
	(2.323.926.104)	(29.405.053.924)	(605.657.577)	(455.727)	(372.510)

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
1 USD	22.790,00	22.540,00
1 JPY	196,22	187,86
1 CNY	3.185,71	3.377,36
1 EUR	24.107,74	24.730,00
1 CHF	22.641,00	22.880,00

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế VND
31/12/2016	
USD (mạnh thêm 1%)	(536.033.481.723)
JPY (mạnh thêm 4%)	(210.767.524.582)
CNY (yếu đi 6%)	114.673.099.605
EUR (yếu đi 3%)	13.776.129.839
CHF (yếu đi 1%)	535.574.893
1/1/2016	
USD (mạnh thêm 5%)	(2.619.064.890.997)
JPY (mạnh thêm 7%)	(386.682.118.900)
CNY (yếu đi 1%)	20.455.236.096
EUR (yếu đi 3%)	337.549.096
CHF (mạnh thêm 6%)	(510.224.244)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	403.000.000.000	203.000.000.000
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	430.000.000.000	230.000.000.000
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(16.725.133.695.959)	(14.531.918.482.382)
	(15.892.133.695.959)	(14.098.918.482.382)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	1.252.638.883.440	525.987.221.090
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(51.917.447.428.150)	(53.203.731.245.913)
	(50.664.808.544.710)	(52.677.744.024.823)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 506.648.085.447 VND lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty (2015: 368.704.413.520 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	1.655.638.883.440	728.987.221.090
▪ Phải thu của khách hàng và phải thu khác (*)	11.697.480.704.136	8.266.219.256.371
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	430.000.000.000	230.000.000.000
	13.783.119.587.576	9.225.206.477.461
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán (*)	(5.513.544.825.740)	(5.566.168.847.491)
▪ Phải trả người lao động - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31) (*)	(137.278.643.326)	(127.090.735.196)
▪ Chi phí phải trả (*)	(47.635.114.267)	(57.893.608.251)
▪ Phải trả khác (*)	(896.001.245.028)	(689.251.880.779)
▪ Vay ngắn hạn (*)	(3.288.800.893.324)	(3.291.345.014.166)
▪ Vay dài hạn (*)	(65.353.780.230.785)	(64.444.304.714.129)
	(75.237.040.952.470)	(74.176.054.800.012)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	118.893.447.816	240.902.178.000
Vay trong năm	2.861.111.745.005	4.388.588.567.669
Thanh toán vay trong năm	2.197.119.368.507	2.434.508.933.429
Lãi vay	2.285.279.972.349	1.433.446.646.315
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	2.659.523.292
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	33.289.515.394.142	25.446.319.495.781
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải		
Cung cấp dịch vụ	1.102.697.640	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)		
Mua điện	5.711.774.770	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua dịch vụ	5.374.769.868	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	5.567.887.306	32.353.298.347
Cung cấp dịch vụ	14.322.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	2.907.172.899	547.735.561
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	9.724.635.250	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Thu lãi tiền gửi	23.002.944.447	21.306.722.222
Tổng Công ty Truyền tải Điện		
Lãi vay	1.475.000.000	3.235.090.556
Trung tâm Viễn Thông và Công Nghệ Thông Tin		
Mua dịch vụ	1.279.349.459	741.144.820

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Trung tâm Thí nghiệm Điện – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Mua dịch vụ	2.103.227.235	958.444.796
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Mua dịch vụ	-	121.000.000
Cổ tức được chia	48.123.557.000	48.123.557.000
Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình		
Cổ tức được chia	10.568.160.000	12.681.792.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức		
Mua dịch vụ	7.803.418.524	-
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		
Cổ tức được chia	63.016.948.000	63.016.948.000
Công ty CP Thủy điện Thác Bà		
Cổ tức được chia	34.290.000.000	57.150.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Cổ tức được chia	16.800.000.000	12.600.000.000
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2		
Cổ tức được chia	25.748.480.000	11.520.000.000
Người quản lý		
Tiền lương và thưởng - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	5.179.737.000	5.058.484.000

30. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2016	2015
	VND	VND
Tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	1.878.341.330.466	3.107.021.688.118
Chi phí lãi vay vốn hóa chưa thanh toán	-	24.288.146.499
Lãi vay vốn hóa vào gốc vay	151.764.775.065	-
Tặng đầu tư vào công ty con bằng quỹ đầu tư phát triển	3.773.850.354	-

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Điều chỉnh và phát hành lại báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Sau khi phát hành báo cáo tài chính riêng, Tập đoàn điện lực Việt Nam (“EVN”) yêu cầu Tổng Công ty điều chỉnh lại số liệu quỹ lương theo số được EVN phê duyệt. Tổng Công ty đã điều chỉnh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo yêu cầu của EVN và phát hành lại báo cáo tài chính riêng sau điều chỉnh vào ngày 31 tháng 3 năm 2017. Bảng so sánh số liệu đã phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2017, trước và sau khi điều chỉnh lại như sau :

(i) Bảng cân đối kế toán riêng

	31/12/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh VND	31/12/2016 (Điều chỉnh lại) VND
Phải trả người lao động	182.079.802.326	(44.801.159.000)	137.278.643.326
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	214.714.214.121	(11.035.099.000)	203.679.115.121
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.434.779.913.289)	60.565.586.143	(3.374.214.327.146)
Quỹ đầu tư phát triển	118.519.383.939	(4.729.328.143)	113.790.055.796

(ii) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh VND	2016 (Điều chỉnh lại) VND
Giá vốn hàng bán	30.161.577.054.598	(30.572.238.493)	30.131.004.816.105
Chi phí tài chính	3.148.338.322.244	60.565.586.143	3.208.903.908.387
Chi phí quản lý doanh nghiệp	311.462.146.035	(14.228.920.507)	297.233.225.528
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	163.604.370.179	(15.764.427.143)	147.839.943.036

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh VND	2016 (Điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	164.894.668.225	(15.764.427.143)	149.130.241.082
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	592.136.847.768	60.565.586.143	652.702.433.911
Biến động các khoản phải trả	1.300.968.432.222	(44.801.159.000)	1.256.167.273.222

Ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31,
 ngày 31 tháng 3 năm 2017.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng




Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc